

Bản án số: 15/2026/HNGĐ - PT

Ngày 22 - 4 - 2026

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quang Tuấn

Bà Hoàng Ngọc Liễu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thúy Hằng - Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ:** Bà Khả Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 22/4/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, cơ sở 3, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2026/TLPT- HNGĐ ngày 25/3/2026 về việc ly hôn.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 05/2026/HNGĐ - ST ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 16/2026/QĐ-PT ngày 07 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Mỹ H**, sinh năm 1995; địa chỉ: Khu B, xã L, tỉnh Phú Thọ; căn cước công dân số 017195007545 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 11/11/2022.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Xuân T**, sinh năm 1988; địa chỉ: Khu B, xã L, tỉnh Phú Thọ; căn cước công dân số 017088007716 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 09/10/2023.

3. Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Xuân T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Ngày 03/9/2019 chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Xuân T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện L, tỉnh Hòa Bình.(nay là xã L, tỉnh Phú Thọ) Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống, hạnh phúc và hòa thuận, đến năm 2020 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T mãi chơi, sa ngã dẫn đến nợ nần không chăm lo chu cấp cho gia đình. Đến tháng 8/2024 anh T bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền, quyết định buộc đi cai nghiện bắt buộc, chị H đã đưa hai con về nhà mẹ đẻ ở. Tháng 8/2025 anh T chấp hành xong việc cai nghiện bắt buộc, tuy

nhiên vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa và sống ly thân từ đó đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Xuân T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Khánh V, sinh ngày 20/01/2020 và Nguyễn Ngọc Tuệ M, sinh ngày 10/11/2023. Chị H có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Ngọc Tuệ M, giao cháu Nguyễn Khánh V cho anh T nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Xuân T trình bày:

Anh T không đồng ý ly hôn và mong vợ chồng về hàn gắn hạnh phúc gia đình để nuôi dạy con chung.

Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Khánh V, sinh ngày 20/01/2020 và Nguyễn Ngọc Tuệ M, sinh ngày 10/11/2023. Anh T có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Khánh V, giao cháu Nguyễn Ngọc Tuệ M cho chị H nuôi dưỡng. Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 05/2026/HNGĐ - ST ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Phú Thọ đã quyết định:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn với anh Nguyễn Xuân T

Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Giao con chung là Nguyễn Ngọc Tuệ M cho chị Nguyễn Thị Mỹ H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

- Giao con chung là Nguyễn Khánh V cho anh Nguyễn Xuân T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị H, anh T được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị H, anh T chưa yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, về quyền kháng cáo của các đương sự. Ngày 11/02/2026, anh Nguyễn Xuân T có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét tố tụng và nội dung của vụ án. Đề nghị huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T không yêu cầu xem xét phần nội dung vụ án; Chỉ yêu cầu cấp Phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo mong được đoàn tụ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm được thực hiện theo đúng quy định của pháp tụng dân sự;

Về nội dung: Nêu tóm tắt nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm, phân tích đánh giá nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng, xét thấy anh Nguyễn Xuân T có sử dụng chất ma túy và đã bị cơ quan nhà nước, quyết định cưỡng bức cai nghiện bắt buộc, các đương sự đã sống ly thân, không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, xét mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Xuân T, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 05/2026/HNGĐ - ST ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Phú Thọ. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, nội dung theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định, hợp lệ, nên được chấp nhận để xem xét

[2]. Xét kháng cáo của anh Nguyễn Xuân T - Hội đồng xét xử nhận thấy:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân T và chị Nguyễn Thị Mỹ H tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 03/9/2019 tại UBND thị trấn C, huyện L, tỉnh Hòa Bình (cũ). Nay là xã L, tỉnh Phú Thọ. Việc kết hôn được thực hiện đúng quy định tại điều 8, điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị Nguyễn Thị Mỹ H trình bày, quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc, đến năm 2020 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T mãi chơi, sa ngã, nợ nần, chị H đã cho anh T nhiều cơ hội nhưng anh T không thay đổi. Đến tháng 8/2024 anh T đi cai nghiện bắt buộc, chị H đã đưa hai con về nhà mẹ đẻ ở. Tháng 8/2025 anh T chấp hành xong việc cai nghiện bắt buộc, tuy nhiên vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa và sống ly thân từ đó đến nay. Chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị đề nghị được ly hôn anh T.

Theo trình bày của anh Nguyễn Xuân T, trong thời gian chung sống anh có mắc sai lầm là sử dụng ma tuý và phải đi cai nghiện bắt buộc, từ tháng 10/2025 thì anh T thấy chị H không còn nói chuyện với anh nữa. Hiện hai vợ chồng không còn chung sống với nhau, chị H đã dọn về nhà mẹ đẻ ở. Nay chị H ly hôn thì anh T không đồng ý, muốn vợ chồng đoàn tụ.

Theo nội dung tại quyết định số 30/2024/QĐ-TA ngày 05/9/2024 của TAND huyện Lạc Thủy, tỉnh Hoà Bình (cũ) về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với anh Nguyễn Xuân T: “*Nguyễn Xuân T là đối tượng sử dụng trái phép chất ma tuý từ tháng 07/2020, loại ma tuý sử dụng là H1, T đang thực hiện cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng. Nhưng đến ngày 21/8/2024 Nguyễn Xuân T bị Công an thị trấn C phát hiện, lập biên bản vi phạm về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý trong thời gian cai nghiện ma tuý tự nguyện tại gia đình, cộng đồng...*”

Xét thấy từ những lời khai, tài liệu chứng cứ nêu trên cho thấy: Mâu thuẫn gia đình giữa chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Xuân T, phát sinh trong một thời gian dài xuất phát từ việc anh T sử dụng trái phép chất ma tuý. Hiện nay chị H và anh T đã ly thân không ai còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm và tại phiên toà phúc thẩm ngày hôm nay, Thẩm phán cùng Hội đồng xét xử đã nhiều lần hoà giải, động viên chị H trở về đoàn tụ nhưng chị H không đồng ý, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết ly hôn, do không thể tiếp tục mối quan hệ đời sống vợ chồng với anh T.

Với những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, mâu thuẫn gia đình giữa chị H và anh T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H về việc ly hôn với anh T là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Khánh V, sinh ngày 20/01/2020 và cháu Nguyễn Ngọc Tuệ M, sinh ngày 10/11/2023.

Anh Nguyễn Xuân T và chị Nguyễn Thị Mỹ H đều thống nhất quan điểm chị H yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Ngọc Tuệ M, anh T yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Khánh V, hai bên chưa yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy nguyện vọng nuôi con của chị H, anh T phù hợp với điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con của các bên, đảm bảo được quyền lợi của các con cũng như quy định của pháp luật. Do vậy cấp sơ thẩm ghi nhận sự thoả thuận của các bên đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Tại phiên toà phúc thẩm, người kháng cáo không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào mới, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Cần giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 05/2026/HNGĐ - ST ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Phú Thọ, phù hợp với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Xuân T. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 05/2026/HNGĐ - ST ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Phú Thọ.

2. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 148 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Nguyễn Xuân T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, đối trừ với số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001878 ngày 12/3/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ, xác nhận anh T đã nộp đủ.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (22/4/2026)./

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tối cao;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 17 – Phú Thọ;
- TAND khu vực 17 – Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 17 – Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Mạnh Hùng